

NƯỚC MỸ SAU KHI VIỆT NAM CỘNG HÒA CHẾT 9

(tiếp theo 8)

Sau chín năm phụng sự Tổ Quốc, ông Ngô Đình Diệm, Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, rồi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã hoàn thành mọi trách vụ được trao phó. Ở đây, chúng tôi xin lưu ý hai lãnh vực:

I./ GIÁO DỤC.

Ngay từ những ngày đầu hình thành Chánh phủ, Thủ tướng Ngô Đình Diệm, những người làm công tác Giáo dục Quốc gia Việt Nam đã bắt đầu xây dựng các nền móng đầu tiên cho nền Giáo dục. Đó là những vấn đề : triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục, chương trình học, tài liệu giáo khoa và phương tiện học tập, vai trò của nhà giáo, cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học, đánh giá kết quả học tập, và tổ chức quản trị.

Năm 1958, dưới thời Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Trần Hữu Thế, Bộ đã tổ chức nhóm họp Đại hội Giáo dục Quốc gia (lần I) tại Sài Gòn. Đại hội này quy tụ nhiều phụ huynh học sinh, thân hào nhân sĩ, học giả, đại diện của quân đội, chính quyền và các tổ chức quần chúng, đại diện ngành văn hóa và giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học, từ phổ thông đến kỹ thuật... Ba nguyên tắc giáo dục là "nhân bản", "dân tộc", và "khai phóng" được chính thức hóa ở hội nghị này. Đây là những nguyên tắc làm nền tảng cho triết lý giáo dục VNCH, được ghi cụ thể trong tài liệu *Những nguyên tắc căn bản* do Bộ Quốc gia Giáo dục ấn hành năm 1959 và sau đó trong Hiến pháp VNCH (1967). Tài liệu *Chính sách văn hóa giáo dục* của Hội đồng Văn hóa Giáo dục VNCH ấn hành năm 1972, những nguyên tắc trên có thể hiểu như sau:

A.- Triết lý Giáo dục

1. *Nhân bản*: chủ trương con người có địa vị quan trọng trong thế giới; lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời làm căn bản; xem con người như một động lực của sự phát triển chứ không phải như một phương tiện hay công cụ phục vụ. Đề cao những giá trị thiêng liêng của con người. Chủ trương sự phát triển quân bình và toàn diện của mỗi người và mọi người. Triết lý nhân bản chấp nhận có sự khác biệt giữa các cá nhân, nhưng

Commenté [P1]:

Commenté [P2R1]:

không sử dụng sự khác biệt đó để đánh giá con người, không chấp nhận sự kỳ thị hay phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, chủng tộc... Với triết lý nhân bản, mọi người có giá trị như nhau và đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục.

2. *'Dân tộc*: tôn trọng giá trị đặc thù, các truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong mọi sinh hoạt liên hệ tới gia đình, nghề nghiệp, và quốc gia. Giáo dục phải biểu hiện, bảo tồn và phát huy được những tinh hoa hay những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc để không bị mất đi hay tan biến trong những nền văn hóa khác. Giáo dục còn nhằm bảo đảm sự đoàn kết và trường tồn của dân tộc, sự phát triển điều hòa và toàn diện của quốc gia.

3. *Khai phóng*: Tinh thần dân tộc không nhất thiết phải bảo thủ, không nhất thiết phải đóng cửa. Ngược lại, giáo dục phải không ngừng hướng tới sự tiến bộ, tôn trọng tinh thần khoa học, mở rộng tiếp nhận những kiến thức khoa học kỹ thuật tân tiến trên thế giới, tiếp nhận tinh thần dân chủ, phát triển xã hội, tinh hoa văn hóa nhân loại để góp phần vào việc hiện đại hóa quốc gia và xã hội, làm cho xã hội tiến bộ tiếp cận với văn minh thế giới, góp phần phát triển sự cảm thông và hợp tác quốc tế, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của nhân loại.

B.- Mục tiêu giáo dục

Sau khi nhận được sự giáo dục, những người đi học sẽ trở thành người có thái độ như thế nào đối với cá nhân mình, đối với gia đình, quốc gia, xã hội, và nhân loại, ví dụ như:

1. *Phát triển toàn diện mỗi cá nhân*: Trong tinh thần tôn trọng nhân cách và giá trị của cá nhân học sinh, giáo dục hướng vào việc phát triển toàn diện mỗi cá nhân theo bản tính tự nhiên của mỗi người và theo những quy luật phát triển tự nhiên cả về thể chất lẫn tâm lý. Cung cấp cho học sinh đầy đủ thông tin và dữ kiện để học sinh phán đoán, lựa chọn. Nhân cách và khả năng riêng của học sinh được lưu ý đúng mức.

2. *Phát triển tinh thần quốc gia ở mỗi học sinh*: giúp học sinh hiểu biết hoàn cảnh xã hội, môi trường sống, và lối sống của người dân; giúp học sinh hiểu biết lịch sử nước nhà, yêu thương đất nước mình, ca ngợi tinh thần đoàn kết, tranh đấu của người dân trong việc chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc; giúp

học sinh học tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt một cách có hiệu quả; giúp học sinh nhận biết nét đẹp của quê hương xứ sở, những tài nguyên phong phú của quốc gia, những phẩm hạnh truyền thống của dân tộc; giúp học sinh bảo tồn những truyền thống tốt đẹp, những phong tục giá trị của quốc gia; giúp học sinh có tinh thần tự tin, tự lực, và tự lập.

3. *Phát triển tinh thần dân chủ và tinh thần khoa học*: giúp học sinh tổ chức những nhóm làm việc độc lập qua đó phát triển tinh thần cộng đồng và ý thức tập thể; giúp học sinh phát triển óc phán đoán với tinh thần trách nhiệm và kỷ luật; giúp phát triển tính tò mò và tinh thần khoa học; giúp học sinh có khả năng tiếp nhận những giá trị văn hóa của nhân loại.

4. Các trường trung học kỹ thuật nằm trong hệ thống giáo dục kỹ thuật, kết hợp việc dạy nghề với giáo dục phổ thông. Các học sinh trúng tuyển vào trung học kỹ thuật thường được cấp học bổng toàn hay bán phần. Mỗi tuần học 42 giờ; hai môn ngoại ngữ bắt buộc là tiếng Anh và tiếng Pháp. Các trường này có mặt hầu hết ở các tỉnh, thành phố; ví dụ, công lập thì có Trường Trung học Kỹ thuật Cao Thắng (thành lập năm 1956), Trường Trung học Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ; tư thục thì có Trường Trung học Kỹ thuật Don Bosco (do các tu sĩ Dòng Don Bosco thành lập năm 1956 ở Gia Định; nay là Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM). Trường Trung học Kỹ thuật Huế (nay là Trường Công nghiệp Huế); Trường Nông lâm Súc Huế (nay là Trường Đại học Nông Lâm Huế).

C. - Đời sống và tinh thần giáo chức

Chỉ số lương* của giáo viên tiểu học mới ra trường là 250, giáo học bổ túc hạng 5 là 320, giáo sư trung học đệ nhất cấp hạng 4 là 400, giáo sư trung học đệ nhị cấp hạng 5 là 430, hạng 4 là 470, giáo sư đại học là 640 trở lên. Với mức lương căn bản như vậy, cộng thêm phụ cấp sư phạm, nhà giáo ở các thành phố thời Đệ Nhất Cộng hòa có cuộc sống khá thoải mái, có thể thuê được người giúp việc trong nhà. Sang thời Đệ Nhị Cộng hòa, đời sống bắt đầu đắt đỏ, vật giá leo thang, nhà giáo cảm thấy đời sống chật vật hơn, nhất là ở những thành phố lớn như Sài Gòn và Đà Nẵng. Tuy vậy, hầu hết các nhà giáo vẫn giữ vững tinh thần và tư cách của nhà mô phạm (người mẫu mực, người đóng vai trò hình mẫu), từ cách ăn mặc thật đứng đắn đến cách ăn nói, giao tiếp với phụ huynh và học sinh, và với cả giới chức chính quyền địa phương.

➤ * *Chỉ số lương* là một hệ số tiền do cấp bậc công chức đề nghị cho số tiền mà Chính phủ ấn định để có số lương lãnh/tháng. Khi tăng lương chung, Chính phủ chỉ cần tăng số tiền này.

Các giáo sư đại học là một thành phần xã hội ở trên cao, cách biệt rất lớn với hàng ngũ giáo chức trung, tiểu học và sinh viên đại học. Hầu hết các giáo sư đại học sinh trưởng trong các gia đình thượng lưu. Đa số đều đi dạy bằng ô tô. Các giáo sư đại học lúc bấy giờ toàn tâm toàn ý cho công cuộc giáo dục, đào tạo thế hệ trí thức tương lai, mà không hề chịu một sức ép nào, về kinh tế cũng như về chính trị. Nhiều giáo sư đại học được mời tham gia chính phủ trong cương vị Tổng trưởng,

D.- Hệ thống giáo dục VNCH gồm tiểu học, trung học và đại học, cùng với một mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập, dân lập và tư thục ở cả ba bậc học và hệ thống tổ chức quản trị từ trung ương tới địa phương. Hiến pháp VNCH quy định về việc cố gắng xây dựng nền giáo dục cơ bản mang tính bắt buộc và miễn phí, các trường đại học tự trị, và những người có khả năng mà không có phương tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn. Tuy nhiên, do ngân sách giáo dục eo hẹp, hệ thống trường học thiếu thốn và không có chính sách khuyến học hiệu quả nên có nhiều trẻ em nghèo vẫn không thể đến trường.

Nhìn chung mô hình giáo dục VNCH trong những năm 1960-1970 có khuynh hướng xa dần ảnh hưởng của nền giáo dục Pháp vốn chú trọng đào tạo một số ít phần tử trí thức và có khuynh hướng thiên về lý thuyết, để chuyển sang mô hình giáo dục đại chúng và thực tiễn.

Nền giáo dục VNCH chỉ tồn tại trong 20 năm (từ 1955 đến 1975), bị ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh và những bất ổn chính trị thường xảy ra, phần thì ngân sách eo hẹp vì phần lớn ngân sách quốc gia phải dành cho quốc phòng và nội vụ (trên 40% ngân sách quốc gia dành cho quốc phòng, khoảng 13% cho nội vụ, chỉ khoảng 7-7,5% cho giáo dục). Tuy nhiên, cơ sở trường lớp đã phát triển nhanh, đáp ứng được một phần nhu cầu gia tăng nhanh chóng của người dân, đào tạo được một nhóm trí thức có khả năng chuyên môn để xây dựng quốc gia và tạo được sự nghiệp ở các quốc gia phát triển. Kết quả này là nhờ các nhà giáo có ý thức rõ ràng về sứ mạng, trách nhiệm và dành nhiều tâm huyết đóng góp cho nghề nghiệp, cũng như nhiều bậc phụ

huynh đã đóng góp tài chính cho việc xây dựng cơ sở vật chất, cùng những ý tưởng, sáng kiến, và nỗ lực mang lại sự tiến bộ cho nền giáo dục.

Hệ thống giáo dục VNCH thực hiện phổ cập tiểu học, mọi trẻ em đến 6 tuổi đều có quyền đăng ký đi học tại trường công. Tuy nhiên từ cấp 2 trở đi thì không được phổ cập. Học sinh tới lớp 5 (lớp cuối cùng của cấp tiểu học) sẽ phải trải qua một loạt các kỳ thi được đề ra với tỷ lệ đánh trượt cao ở từng giai đoạn. Cho đến niên học 1967 tổng cộng có bốn kỳ thi:

1. Thi bằng tiểu học khi xong lớp 6 để vào trung học đệ Nhất cấp. Kỳ thi có tính chọn lọc khá cao, tỷ lệ đậu vào trường công khoảng 62%. Số 38% bị trượt phải vào trường tư và tự trang trải học phí, không được miễn phí như trường công.
2. Thi bằng Trung học đệ nhất cấp khi xong lớp 9. Tuy nhiên đây không phải là điều kiện bắt buộc để nhập học lớp 10.
3. Thi Tú tài I khi xong lớp 11. Không đậu, học sinh không thể vào học lớp 12.
4. Thi Tú tài II cuối năm lớp 12. Không đậu Tú tài II thì không thể ghi danh học đại học.

Đ.- TIỀN HỌC LỄ, HẬU HỌC VẤN.

1. Đức dục được dạy ở Bắc tiểu học:

- Lớp Năm

- a) Bổn phận đối với bản thân.- Sạch sẽ, thứ tự, ăn uống điều độ, thành thực, vui vẻ, bạo dạn.
- b) Bổn phận trẻ con trong gia đình.- Bổn phận đối với cha mẹ, đối với anh em, chị em. Sự tưởng niệm tổ tiên. Các ngày kỷ niệm trong gia đình. Bổn phận đối với người trong họ. Tình gia tộc. Đoàn hợp. Cách đối đãi với gia tộc (nhân từ, độ lượng, tử tế).
- c) Bổn phận trẻ con ở học đường.- Bổn phận đối với thầy học: yêu mến, tôn trọng, vâng lời, biết ơn. Bổn phận đối với bè bạn: giúp đỡ lẫn nhau, nghĩa đoàn thể trong bè bạn, bên vực kẻ yếu, không ghen ghét, không thóc mách.
- d) Bổn phận đối với người ngoài.- Lễ phép. Thương kẻ khó, kẻ tàn tật. Đọc những chuyện hay và tiểu sử danh nhân có bổ ích cho bài dạy.

- Lớp Tư :

- a) Bốn phận đối với bản thân.- Phải học hành và tập rèn đức tính tốt. Phải tập thể dục. Biết gắng công. Tính can đảm. Giữ phẩm giá mình. Khi lầm lỗi biết xấu hổ. Tiết kiệm. Nhún nhường.
- b) Bốn phận trẻ con trong gia đình.- Ôn lại chương trình lớp Năm. Thêm: Đừng làm cho cha mẹ, anh em mang tiếng xấu, giữ tiếng thơm cho gia tộc và tổ tiên.
- c) Bốn phận đối với người ngoài.- Lễ phép. Ngay thẳng. Yêu mến và giúp đỡ đồng bào.

- Lớp Ba

- a) Bốn phận trẻ con ở học đường.- Ôn qua chương trình lớp Năm. Thêm: bốn phận đối với thầy và bạn sau khi thôi học.
- b) Bốn phận đối với Tổ quốc.- Bốn phận người dân trong nước: biết nỗ lực, không ỷ lại, biết hy sinh, ham tự do, trọng kỷ luật, giữ trật tự, trọng pháp luật. Gắng làm việc cho Tổ quốc. Khuyến khích mọi người cùng làm.
- c) Bốn phận đối với người ngoài.- Ôn lại chương trình lớp Tư. Thêm: trọng lời hứa, tờ giao kết. Giao tế chân thật, công tâm.
- d) Xã giao.- Sự giao thiệp với bà con, họ hàng, làng xóm.

2. Luân lý.-

- 1) Lương tâm. Quan niệm về trách nhiệm, lý trí và lương tâm.
- 2) Các môn phái về luân lý. Luân lý hòa hợp với nhân loại.
- 3) Anh hùng. Lý tưởng của người quân tử.
- 4) Bình luận vài đoạn trích ở *Tứ thư* và *Cổ học tinh hoa*.

Chú ý.- Trong các bài luân lý nên chọn những câu phương ngôn, ngạn ngữ, cách ngôn, châm ngôn của Á Đông và của Âu Tây có liên quan đến bài dạy mà cho học trò học thuộc lòng.

Công dân giáo dục.-

Kinh tế học lược giảng. Nói qua về kinh tế tự do, chỉ huy. Sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu thụ tài sản.

LỚP ĐỆ TƯ

Luân lý: Giá trị tinh thần.

Chọn nghề nghiệp theo khuynh hướng. Luân lý về chức nghiệp.

Cổ tục xấu và cổ tục tốt.- Bảo thủ và tiến bộ.- Tinh thần kỷ luật.- Tinh thần đoàn kết.- Tinh thần hy sinh.

Những tư cách phải có của người đứng chỉ huy.

Chức vụ thanh niên trong nước.- Chức vụ anh tài trong nước.
Cần phải có một lý tưởng hoạt động.
Công dân giáo dục: Kinh tế học lược giảng.
Sản xuất tài sản.- Lưu thông tài sản.- Phân phối và tiêu thụ tài sản.
Địa vị nước Việt Nam ở Đại Đông Á và trong hoàn cầu.- Bốn phận và quyền lợi đối với vạn quốc.- Cách dung hòa lòng yêu nhân loại với lòng yêu nước.- Bình luận về trạng thái hiện thời của nước Việt Nam.- Lòng tin tuyệt đối ở tương lai nước ta.

(Trên đây chỉ là những thí dụ)

D.- Đôi dòng kỷ niệm đời học sinh.

Năm 1950, cá nhân tôi nhập học tại Trường Đỗ Hữu Phương, Chợ Lớn, sau đổi tên Tiểu học Hùng Vương, đường Hùng Vương, Quận 5, Sài Gòn. Lúc đó, nước Pháp còn cai trị Việt Nam, nhưng việc học cấp này hoàn toàn không trả học phí vì người Pháp vẫn đào tạo những công chức hay các bác sĩ, kỹ sư du học về nước phục vụ người bản xứ. Quý Thầy Cô rất tận tâm vì nghiệp vụ giáo dục với học trò. Đối lại, học trò biết lắng nghe và lễ phép. Tôi vẫn nhớ, khi học lớp Nhất, chúng tôi được học tập với một Cô Giáo lái xe đi dạy, nhận được sự ngưỡng mộ của đồng nghiệp và đám trẻ. Tiếc thay cái thời Thơ ấu An Bình đã qua.

Do sức học không giỏi, không đậu thi tuyển vào trường Trung học công lập Pétrus Trương Vĩnh Ký, nên phải nhập học Tư thực Công giáo Lasan Taberd, phụ trách bởi các Sư huynh Dòng La San do Thánh Jean Baptiste de La Salle, với mục đích giáo dục cho trẻ em nghèo.

Cuối năm 1865 có sáu sư huynh dòng này từ Toulon, Pháp, đến Sài Gòn vào đầu năm 1866. Năm 1966, để kỷ niệm 100 năm hiện diện, nhiều sinh hoạt văn nghệ và thể thao được trình diễn công phu và ngoạn mục giúp mọi giới thưởng thức.

Năm 1866, các sư huynh tham gia quản giáo trường Trung học Adran vốn đã được các linh mục thuộc Hội Thừa sai mở ở Sài Gòn từ năm 1861. Năm 1873, Trường được đổi tên Jean-Louis **Taberd**, Giám quản địa phận Nam Kỳ từ 1830 đến 1840. Năm 1874, các sư huynh tiếp nhận trường Taberd, lúc đó có khoảng 160 học sinh mà một nửa ở nội trú. Số học trò theo học tăng

nhanh, nên năm 1891 có thêm 5 sư huynh theo qua, mở thêm một trường nghĩa thực nằm ngay cạnh trường Taberd. Vào niên khóa 1973-1974, trường có 115 lớp, 7464 Học sinh.

Trường áp dụng các lý thuyết của Thánh Gioan La San đặt ra, chú trọng đến việc giáo dục phát triển toàn diện các phần: Trí dục, Đức dục và Thể dục. Trong trường có sân bóng chuyền và bóng rổ, cùng các bàn bóng bàn trong phòng thể thao để học sinh tập luyện. Nhờ đó, sau này, từ nơi đây đã gây niềm hứng thú thể thao và góp phần tạo dựng các vận động viên danh tiếng sau này như Lê Văn Tiết, Trần Cảnh Được....

➤ Năm 18 tuổi, **Lê Văn Tiết** trở thành vô địch bóng bàn nước VNCH. Khi vừa tròn 19 thì cùng với đồng đội Mai Văn Hòa, Trần Cảnh Được, Trần Văn Liễu đoạt Giải vô địch châu Á tổ chức lần thứ 3 tại Tokyo (Nhật Bản) năm 1958, trong đó cả ba đều thắng đương kim vô địch thế giới Toshiaki Tanaka. Trong thời gian đó, đội tuyển Nhật là đội được xếp vào hạng mạnh nhất thế giới trên cả Trung Quốc. Trong kỳ này ông thắng 14 trong 15 trận, chỉ thua Ichirō Ogimura (2 lần vô địch đơn nam thế giới) 1 trận. Sau đó, ông đoạt vô địch cá nhân giải quốc tế bóng bàn Pháp mở rộng (Open de France de Tennis de Table 1959) năm 20 tuổi. Trong giải vô địch Pháp, ông là người Việt Nam đầu tiên hạ tay vợt số 1 thời bấy giờ là Teruo Murakami (vô địch Nhật Bản) trong trận chung kết. Với chiến thắng này, Lê Văn Tiết được xếp là tay vợt thứ sáu thế giới năm 1959 và hạng 3 đồng đội nam thế giới. Trong năm đó, ông cùng với đội bóng bàn VNCH đoạt giải 3 Vô địch Bóng bàn Quốc tế tại Dortmund 1959.



Lasan Taberd – Sân trước

Ngoài ra, trường còn chú ý hướng dẫn học sinh làm việc thiện và hiểu biết đời sống người nghèo. Trong những năm đầu thập niên 1970, học sinh Taberd các lớp 9 và 10 hàng tuần được hướng dẫn đi thăm viếng các khu lao động nghèo, hút tóc cho các em nhỏ và phát thuốc cho những người đến

khám bệnh ở những trạm chẩn bệnh miễn phí, theo toa các bác sĩ và các sinh viên y khoa.^[1] Học sinh cũng được dạy học thêm nghề như như chụp hình, rửa ảnh, sửa radio...

Sau năm 1975, tất cả các trường La San bị nhà nước trưng dụng. Trường La San Taberd bị đóng cửa năm 1976, sau đó cơ sở trường được dùng làm trường Trung Học Sư phạm và sau đó là trường Trung học Phổ thông Chuyên Trần Đại Nghĩa.

LASAN TABERD : CHUYÊN GIÁO DỤC, KHÔNG LÀM CHÍNH TRỊ.

Năm 1963, trong cuộc khủng hoảng Phật giáo, sau các vụ thảm sát ở Đà Nẵng, Huế và Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu (?), các cuộc bãi khóa từ các trường công đã lan sang các trường tư, ngoài trừ các trường Công giáo do các Dòng Tu điều khiển.

Không gì khó cho kẻ cướp tự do học của các bạn học bằng cách đem giấy báo vào lớp để đốt. Bản năng tự vệ, mọi học sinh phải chạy tránh khói... Đó là chiêu bài độc ác để tuyên truyền ‘học sinh bãi’, do sự phối hợp của Mỹ, công sản và tay sai đưa đến cái chết của Tổng thống Ngô Đình Diệm và đến ngày 30.04.1975, VNCH bị bức tử. Đó là Sự Thật không tranh cãi.

Quý Sư huynh và học sinh Taberd không mắc mưu bọ Bán Nước. Mỗi sáng, các ‘áo dòng đen’ đã có mặt nơi công viên và sân trường để An ninh Trật tự được bảo toàn. Trong thời gian các đơn vị Thủy quân Lục chiến đóng trong trường, như hầu hết các trường khác, không cần có một hàng động ‘đáng tiếc’ nào.

Độc nhất vô nhị tại VNCH, mỗi sáng, các Sư huynh, các Thầy và toàn thể Học sinh phải nghiêm chỉnh dự Lễ Thượng Quốc Kỳ phát phới trên nền trời xanh Tự Do của nước Việt Nam Cộng hòa.

Cám ơn tinh thần Lasan Taberd. Tại Quê hương, các Hội Ái hữu Lasan và, ngày nay, quý Sư huynh và các cựu học sinh hiện diện khắp thế giới.



Lasan Taberd – Sân sau

II./ KINH TẾ.

Xin được chia nền Kinh tế VNCH (1955-1975) cùng là một nền kinh tế thị trường, đang phát triển, và mở cửa làm 2 giai đoạn :

a./ *Đệ Nhất Cộng hòa* (1955-1963). Nhận sứ vụ Thủ tướng toàn quyền từ Quốc trưởng Bảo Đại, Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã, từ ngay đầu năm 1955, đã thu hồi Độc lập Tài chính từ Pháp để phát triển Kinh tế. Sau khi khai sinh VNCH, Tổng thống Ngô Đình Diệm tạo cho Quê hương một mức độ kinh tế khá cao được triển khai dựa trên các kế hoạch kinh tế 5 năm. Do đó, Kinh tế thời này đã phát triển ổn định trong giai đoạn 1955-1963.

b./ *Đệ Nhị Cộng hòa* (1964-1975). Năm 1963, thừa lệnh thực dân, những kẻ nghe theo chúng, các chánh trị gia ‘phòng lạnh’ hóm Caravelle do E. Durbrow mớm cho và đám tướng tá gốc Pháp hòa nhau lên án Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa vô số tội ác mà không những Người không phạm mà chính Người còn là Người Công chính, yêu Nước và thương đồng bào. Khốn nạn, chúng đã giết người.

Năm 1965, quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng, chiến tranh leo thang gây mất ổn định với những đặc trưng như: tốc độ tăng trưởng kinh tế không đều (có nhiều năm tăng trưởng bị âm), tỷ lệ lạm phát cao, thâm hụt ngân sách nhà nước và thâm hụt thương mại. Chiến tranh là nhân tố tác động lớn đến nền kinh tế VNCH, ảnh hưởng xấu đến các nguồn lực kinh tế và làm giảm tốc độ phát triển kinh tế, tạo ra lạm phát cao và khiến Quê hương không thể thực thi những chính sách phát triển kinh tế có hiệu quả. Do đó ngày càng phụ thuộc vào viện trợ Mỹ.

Xin mời xem bảng so sánh này để thấy sơ qua nền kinh tế VNCH và VNDCCH:

Tổng sản phẩm nội địa (GDP) của VNCH và VNDCCH giai đoạn 1955-1975 theo tác giả người Nga A.G. Vinogradov được ghi tại bảng dưới đây (đơn vị: triệu Mỹ kim, tính theo thời giá 2015).

Năm	1956	1958	1960	1963	1965	1967	1968	1970	1972	1973	1974
Việt Nam Cộng hòa	11.283	12.714	15.274	16.422	13.515	-	-	10.917	9.140	10.030	10.285
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	2.587	-	4.113	4.702	6.000	6.406	6.983	10.689	11.313	11.145	11.422

Lưu ý : Sau khi Tổng thống Ngô Đình Diệm chết, GDP VNCH xuống và GDP VNDCCH tăng và vượt lên từ năm 1970.

Ở thời điểm 1956, Tổng sản phẩm nội địa (GDP) của VNCH cao gấp 4,4 lần so với VNDCCH. Có sự chênh lệch lớn này là do lãnh thổ miền Bắc Việt Nam bị tàn phá nặng nề trong Chiến tranh Đông Dương giữa Việt Minh với liên minh Pháp-Quốc gia Việt Nam, trong khi lãnh thổ miền Nam ít bị chiến tranh tàn phá hơn nhiều. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1955-1970, khoảng cách này dần bị thu hẹp, đặc biệt là kể từ năm 1963, khi kinh tế Việt Nam Cộng hòa suy thoái nhiều năm liền. Đến năm 1972 trở về sau thì thống kê của Vinogradov cho thấy là tổng sản phẩm nội địa (GDP) của VNDCCH đã vượt cao hơn so với VNCH. Nguyên nhân điều này là bởi tình hình chiến sự leo thang tại miền Nam, cùng với hàng loạt bất ổn trong nội bộ VNCH cũng như việc Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ kinh tế.

Về sản lượng, VNCH cho đến năm 1975 vẫn cao hơn VNDCCH. Trong suốt cuộc chiến vào thời điểm cao nhất sản lượng ở miền Bắc đạt bằng 70% kinh tế miền Nam. Khả năng huy động nguồn lực và tốc độ tăng trưởng tại miền Bắc vượt nhanh hơn nhiều, nhưng các trận ném bom dữ dội của Hoa Kỳ đã làm giảm hiệu suất của kinh tế ở miền Bắc khoảng 3 tới 4 lần. Thêm vào đó, khoản viện trợ nước ngoài rất lớn mà Hoa Kỳ cung cấp cho VNCH cũng cần phải được tính đến. Lúc đó, Liên Xô và Tàu cộng chỉ cho Việt cộng súng đạn.

Đây là giai đoạn mà kinh tế VNCH tăng trưởng tương đối nhanh (1955-1960) và tăng trưởng vừa phải (1960-1963), song vẫn giữ được mức độ lạm phát thấp. Ngân sách Quốc gia thời gian đầu cân đối thậm chí có thặng dư, song từ

năm 1961 trở đi bắt đầu chuyển sang thâm hụt. Mức độ đầu tư lớn, nông và công nghiệp nói chung đều phát triển mạnh.

Năm 1955, chính phủ Ngô Đình Diệm thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Viện Hối đoái, phát hành đơn vị tiền tệ mới thay cho tiền Đông Dương, ấn định tỷ giá hối đoái giữa đồng VNCH và Mỹ kim là 35 đồng = 1 MK.

Năm 1956, VNCH ban hành Hiến pháp có qui định việc thành lập và vai trò của Hội đồng Kinh tế Quốc gia. Phó Tổng thống sẽ làm Chủ tịch hội đồng này. VNCH gia nhập Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Tháng 03/1957, ông Ngô Đình Diệm đọc *"Tuyên ngôn của Tổng thống Đế Nhất Cộng hòa"* trong đó có kêu gọi đầu tư của tư nhân trong và ngoài nước, cam kết về những quyền lợi họ và những khuyến khích đầu tư (ưu đãi về thuế thuê mặt bằng sản xuất kinh doanh, thuế lợi tức). Để khuyến khích phát triển doanh nghiệp, chính phủ đã thành lập *Trung tâm Khuếch trương Kỹ nghệ* để giúp đỡ các doanh nhân khởi nghiệp, giúp đỡ các doanh nghiệp về công nghệ và tín dụng, hỗ trợ công nghệ và hướng dẫn đầu tư cho doanh nghiệp. Chủ trương của Tổng thống là *"Trong địa hạt kỹ nghệ, nỗ lực trước hết của chúng ta là lập những kỹ nghệ nhẹ, để cung cấp cho thị trường trong xứ, và kỹ nghệ chế biến nông sản"* và *"nguyên tắc căn bản để phát triển là tiết kiệm ngoại tệ nhờ gia tăng xuất cảng và giảm nhập cảng. Ưu tiên trong chương trình kỹ nghệ hóa dành cho việc chế tạo những sản phẩm tiêu thụ thông dụng"*.

Tổng thống Ngô Đình Diệm chủ trương phát triển kinh tế - xã hội theo con đường thứ ba là sự kết hợp những ưu điểm của kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường, là sự dung hòa giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân. Chính vì thế vai trò của chính phủ trong phát triển kinh tế thể hiện rõ qua việc triển khai kế hoạch kinh tế 5 năm (VNCH gọi là *Ngũ niên Kinh tế Kế hoạch* do Tổng nha Kế hoạch thiết kế) từ năm 1957 tới 1962 (Kế hoạch Ngũ niên I) và từ năm 1962 tới 1966 (Kế hoạch Ngũ niên II). VNCH đã cho triển khai chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập cảng. Chính phủ tạo điều kiện và hỗ trợ cho khu vực tư nhân phát triển. Các hàng rào quan thuế và phi quan thuế được dựng lên để bảo hộ một loạt ngành công nghiệp nhẹ. Đồng thời, các loại máy móc, kim loại - đầu vào cho các ngành được bảo hộ - được ưu tiên nhập khẩu. Trong khi hạn chế nhập khẩu, xuất khẩu được khuyến khích. Một số mặt hàng xuất khẩu còn được chính quyền trợ cấp. Ngay cả tỷ giá hối đoái

cũng được điều chỉnh thuận lợi cho xuất khẩu (thông qua trừ đi một mức phụ đảm). Thời kỳ 1955-1964 là thời kỳ thuận lợi nhất của xuất cảng VNCH. Bên cạnh đó, để khuyến khích đầu tư tư nhân, VNCH có các biện pháp hỗ trợ về tín dụng, chẳng hạn như thành lập Quốc gia Doanh Tế Cuộc vào năm 1955 mà sau đó được thay thế bằng Trung tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ vào năm 1958, để hỗ trợ các doanh nghiệp mới (theo cách gọi ngày nay là ươm tạo doanh nghiệp), hướng dẫn cho các doanh nghiệp về mặt công nghệ và tài chính, cho doanh nghiệp vay với lãi suất thấp.

Chính phủ VNCH còn thành lập khu công nghiệp (hay khu kỹ nghệ theo cách gọi tại Quê hương lúc đó) để tạo thuận lợi cho đầu tư vào lĩnh vực chế tạo. Cụ thể, Khu kỹ nghệ Biên Hòa được thành lập vào tháng 05/1963, và Công ty Quốc gia Khuếch trương Khu Kỹ nghệ được thành lập vào tháng 12/1963 để quản lý và phát triển các khu công nghiệp.

(còn tiếp 10)

Vietcatholic 01.12.2021

HÀ MINH THẢO